

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-9-2021.

“V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Diệp;**

2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp 1, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt theo Quyết định tuyên bố mất tích số: 05/2021/QĐST-VDS ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H và chị Trần Thị Trúc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào tháng 02/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 03/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 8/2018 chị L tự ý bỏ đi, anh H có tìm kiếm nhưng không gặp chị L. Nơi cư trú cuối cùng của chị L trước khi bỏ nhà đi là: Ấp 1, xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Do chị L bỏ nhà đi mà không có tin tức nên anh H đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích. Sau khi thụ lý, Tòa án đã có thông báo trên các Báo và Đài phát thanh Trung ương nhưng vẫn không thấy tin tức của chị L ở đâu. Ngày 26/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã ban hành Quyết định số 05/2021/QĐST-VDS tuyên bố chị Trần Thị Trúc L mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích đến nay anh H cũng không thấy chị L trở về. Nay do tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Thị Trúc L do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh không thể triệu tập để lấy lời khai, hòa giải và tham gia phiên tòa được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn Trần Thị Trúc L – Nguyễn Văn H, ngày đăng ký 03/8/2018 do UBND xã Phong Mỹ cấp (Bản chính);

- 01 Quyết định số 05/2021/QĐST-VDS ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh tuyên bố chị Trần Thị Trúc L mất tích (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Trúc L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn chị Trần Thị Trúc L có nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ nhà đi là ấp 1, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Đối với bị đơn là chị Trần Thị Trúc L do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị L.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Anh H và L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào tháng 02/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 03/8/2018 nên hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2018 thì chị L bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặt khác, sau khi chị L bỏ nhà đi, anh H và gia đình không biết chị L đi đâu và cũng không có tin tức gì. Ngày 26/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã ban hành Quyết định số 05/2021/QĐST-VDS tuyên bố chị Trần Thị Trúc L mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị L mất tích đến nay anh H cũng không thấy chị L trở về. Anh H yêu cầu xin ly hôn với chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012708 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn H.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Trần Thị Trúc L.

1.2. Về con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Anh H trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012708 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã Phong Mỹ;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô